TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI** ---------- Số: 438/2025/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 402/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1980

Căn cước công dân số: 001080014944 cấp ngày 27/04/2021

- Bị đơn: Chị Cao Thị T2 , sinh năm 1983

Căn cước công dân số: 038183014314 cấp ngày 01/11/2022

Cùng HKTT và nơi ở: Số 48/88, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/11/2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Cao Thị T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là: Nguyễn Mai P-sinh ngày 01/8/2006 và Nguyễn Minh Q -sinh ngày 21/8/2008. Cháu P đã trưởng thành, tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị T2 đối với anh T cho

đến khi cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền thăm gặp và chăm sóc con chung.

2.2 Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Anh T và chị T2 mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn, được trừ vào 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014182 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh T được trả lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- UBND phường B, Hà Nội (nơi đăng ký kết hôn ngày 06/6/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thu Hà